

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 08-7-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Nhanh.

2. Ông Trần Văn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H1 - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: Ấp V, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C - Sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Mỹ U - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: Ấp 1, xã MB, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-01-2021, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày và yêu cầu: Ông có tham gia 06 dây hụi do ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ U làm chủ hụi, cụ thể như sau:

+ Dây 1: Hụi mở ngày 10-10-2018, loại hụi 5.000.000 đồng/vụ, gồm 10 phần, ông tham gia 01 phần, tính đến ngày 10-3-2020 đã đóng được 07 lần, không

nhớ số tiền đã đóng mỗi lần, chỉ nhớ mỗi lần đóng khoảng 2.200.000 đồng đến 2.800.000 đồng, yêu cầu trả lại theo hụi mẫn bằng 35.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hụi mở ngày 05-12-2018, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, ông tham gia 02 phần, tính đến 05-9-2020 đã đóng được 22 lần, không nhớ số tiền đã đóng mỗi lần, yêu cầu trả lại theo hụi mẫn bằng 44.000.000 đồng.

+ Dây 3: Hụi mở ngày 05-7-2019, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, ông tham gia 01 phần, tính đến 05-9-2020 đã đóng được 15 lần, không nhớ số tiền đã đóng mỗi lần, yêu cầu trả lại theo hụi mẫn bằng 15.000.000 đồng.

+ Dây 4: Hụi mở ngày 30-7-2019, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, ông tham gia 02 phần, tính đến 30-8-2020 đã đóng được 14 lần, không nhớ số tiền đã đóng mỗi lần, yêu cầu trả lại theo hụi mẫn bằng 56.000.000 đồng.

+ Dây 5: Hụi mở ngày 05-8-2019, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, ông tham gia 02 phần, tính đến 05-9-2020 đã đóng được 14 lần, không nhớ số tiền đã đóng mỗi lần, yêu cầu trả lại theo hụi mẫn bằng 28.000.000 đồng.

+ Dây 6: Ông có hốt 01 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, còn phải đóng hụi chết 04 lần nữa mẫn. Dây hụi này ông còn nợ lại ông C 8.000.000 đồng.

Đến ngày 24-9-2020, ông C có đến nhà ông thông báo dừng hụi và hứa sẽ bán đất trả tiền đủ cho ông, nhưng chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay ông yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ U phải trả cho ông 170.000.000 đồng, trả một lần, vì ông C có đủ điều kiện trả, nhà đất nhiều, đã bán tài sản nhưng không trả tiền cho ông. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai đề ngày 25-3-2021, các văn bản tiếp theo, bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ U trình bày: Ông bà đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 150.000.000 đồng, nhưng không đồng ý trả một lần do không có điều kiện; Ông bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ án được hòa giải ở Tòa án nhưng không thành.

Ngày 22-6-2021, bị đơn là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ U có đơn xin xét xử vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn H1 khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ U, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[2] Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Mỹ U có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[4] Xét việc Ông H1 yêu cầu ông C, bà U phải trả cho Ông H1 170.000.000 đồng là có căn cứ một phần: Ông H1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của ông là có căn cứ và hợp pháp. Ông H1 trình bày số lần đã đóng hội, không nhớ số tiền đã đóng mỗi lần, theo các giấy ghi hội Ông H1 nộp thể hiện đây là các dây hội có lãi, hội bị dừng khi chưa đến kỳ mãn hội, nên số tiền đóng hội Ông H1 đang yêu cầu tính theo mức khi mãn hội là không có căn cứ. Ông C, bà U đồng ý trả cho Ông H1 150.000.000 đồng. Do đó, chấp nhận theo tự nguyện của ông C, bà U là phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự. Ông H1 không yêu cầu tính lãi là tự nguyện nên ghi nhận.

[5] Xét việc Ông H1 yêu cầu ông C, bà U phải trả số tiền hội đã nợ một lần là không phù hợp. Áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án là phù hợp.

[6] Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh Khương không liên quan đến nội dung vụ án, ông Khương không có yêu cầu, không ai có yêu cầu gì đối với ông Khương nên không tiếp tục đề cập trong bản án là phù hợp.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông C, bà U có nghĩa vụ trả cho bà Ông H1 150.000.000 đồng nên phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ông H1 bị bác yêu cầu 20.000.000 đồng, phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ông H1 3.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 357 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1 đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ U về việc tranh chấp hợp đồng góp hội.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ U có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H1 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng

tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ U nộp 7.500.000 đồng (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Văn H1 nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 4.250.000 đồng (bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0009130 ngày 24-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, trả lại cho Ông H1 3.250.000 đồng (ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (Ngày 08-7-2021). Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương